

Bản án số: 01/2023/HNGĐ- ST  
Ngày: 04-01-2023  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc Diệu
2. Ông Võ Nhân Nghĩa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** **Chị Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn:*** **Anh Võ Việt T**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N có mặt, anh T vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:***

Chị và anh T do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/12/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Võ Nguyễn Thiên H, sinh ngày 09/3/2012. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè,

không lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

***Anh Võ Việt T vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.***

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:*

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị N và anh T được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Thiên H, sinh ngày 09/3/2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không có

+ Về nợ chung: không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022 của chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với anh Võ Việt T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Võ Việt T có nơi cư trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân

dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Võ Việt T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2010 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc Nng đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Toà thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh T biết để anh đến Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị N nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh T vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị N. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp.

#### 2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Võ Việt T có 01 con chung tên Võ Phạm Thiên H, sinh ngày 09/3/2012. Hiện tại cháu H đang sống với chị N, chị N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: : Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc N phải có nghĩa vụ nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với anh Võ Việt T, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Võ Việt T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Thiên H, sinh ngày 09/3/2012, anh Võ Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Võ Việt T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng N mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009704 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

**Nơi nhân:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Đ (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**